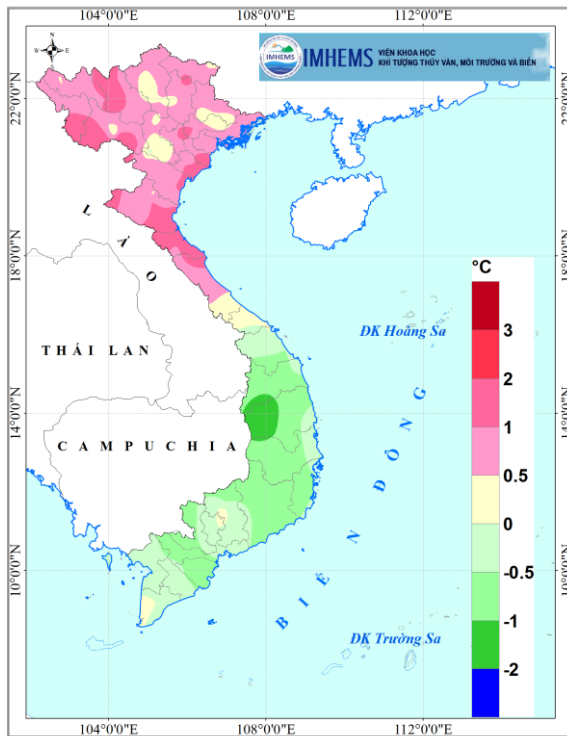
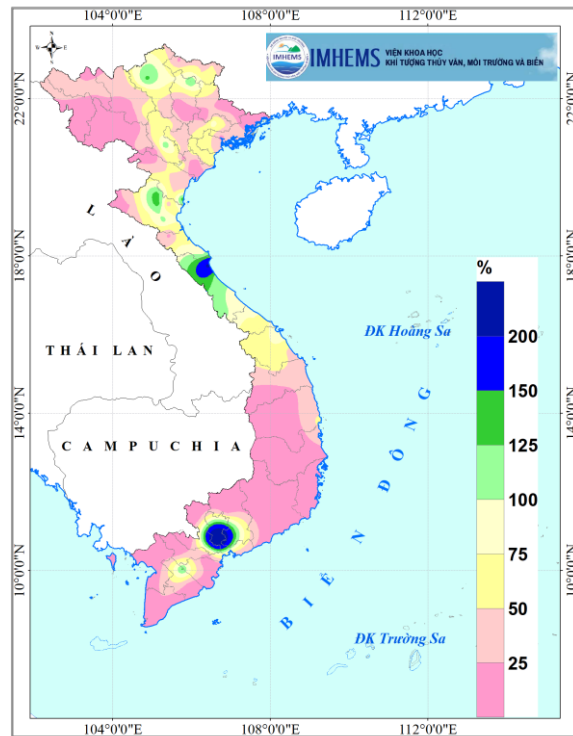


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và tỷ chuẩn lượng mưa (b) tháng 1/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATOLOGY

Hà Nội, tháng 2 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	2
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	4
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 11, 12, 1 NĂM 2025/2026	5
1.1. Diễn biến ENSO và khí hậu khu vực châu Á.....	5
1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam.....	6
1.2.1. Nhiệt độ	6
1.2.2. Lượng mưa	8
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	9
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm	11
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026	13
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á.....	13
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO	13
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á	13
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	14
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	14
2.2.2. Dự báo lượng mưa	15
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan.....	17
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026	18

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
27	TC	Tỷ chuẩn
28	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
29	TLM	Tổng lượng mưa
30	TSGN	Tổng số giờ nắng
31	XĐ	Xích đạo
32	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C).....	5
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SOI (2/2021 - 1/2026).....	5
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (2/2021 - 1/2026).....	5
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NDTB mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C) trên khu vực châu Á.....	6
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm) trên khu vực châu Á.....	6
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C).....	7
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 1/2026 (°C).....	7
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C).....	7
Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 1/2026 (°C).....	7
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C).....	7
Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 1/2026 (°C).....	7
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm).....	8
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (%).....	8
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 1/2026 (mm).....	9
Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 1/2026 (%).....	9
Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (ngày).....	9
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 1/2026 (ngày).....	9
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (giờ).....	10
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 1/2026 (giờ).....	10
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm).....	10
Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 1/2026 (mm).....	10
Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026.....	10
Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 1/2026.....	10
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	14
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	14
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	14
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	14
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	14
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	14
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	16
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	16

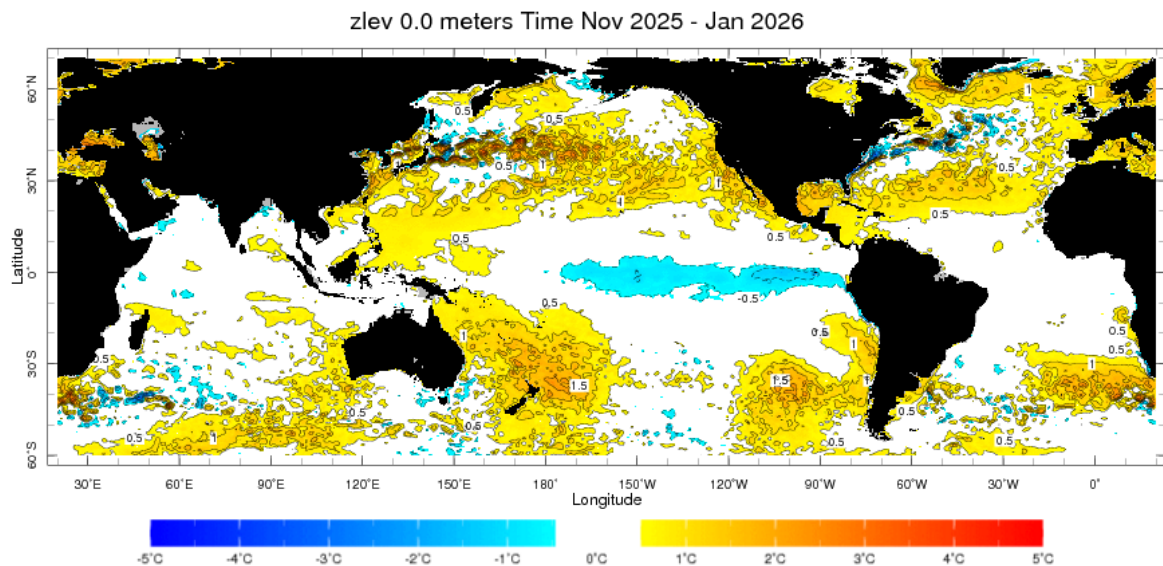
DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 1/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu.....	19
Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 1/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu.....	20
Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026.....	21

PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 11, 12, 1 NĂM 2025/2026

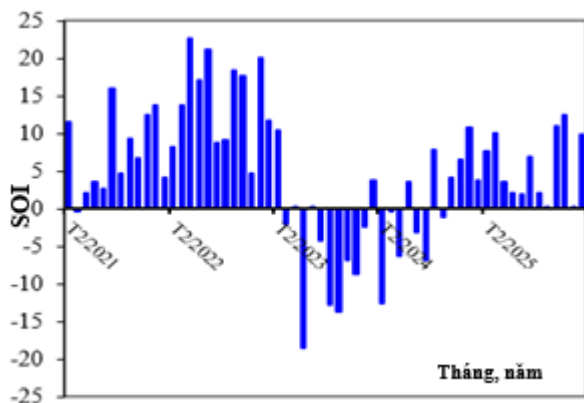
1.1. Diễn biến ENSO và khí hậu khu vực châu Á

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 12/2/2026: Trong tháng 1/2026, *trạng thái khí quyển - đại dương tiếp tục phản ánh các điều kiện của La Nina*, với nhiệt độ mặt nước biển (SST) thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) ở trung tâm khu vực xích đạo Thái Bình Dương (XĐTBD). **Hình 1.1** cho thấy, chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) trung bình mùa 11-1 năm 2025/2026 ở phía Tây XĐTBD từ 0 đến 0,5°C, ở Trung tâm và phía Đông chủ yếu từ -1,0 đến 0°C. Trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là 12,5; 0,1 và 9,9 (**Hình 1.2**). Tại khu vực NINO3.4, SSTA đều có giá trị âm, lần lượt là -0,68°C; -0,61°C và -0,54°C (**Hình 1.3**). Chuẩn sai chỉ số gió tín phong (m/s) ở các khu vực XĐTBD: (1) Phía Tây: 1,7; 2,9 và -1,8; (2) Trung tâm: 3,6; 0,4 và 0,9; (3) Phía Đông: -0,4; -2,2 và -0,4. *Như vậy, trong 3 tháng qua, hoạt động của gió tín phong trên khu vực XĐTBD cao hơn TBNN ở phía Tây và Trung tâm, thấp hơn TBNN ở phía Đông.*



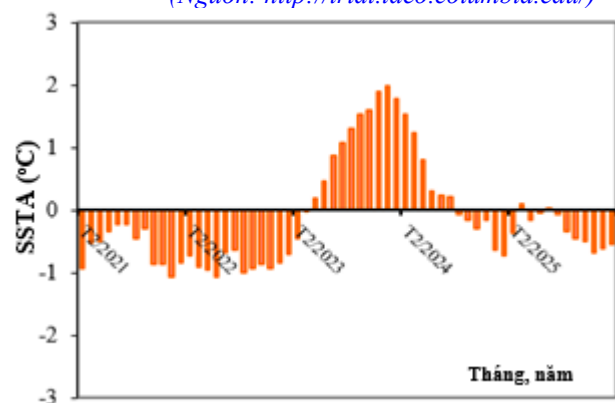
Hình 1.1. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C)

(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SOI (2/2021 - 1/2026)

(Nguồn: www.bom.gov.au)



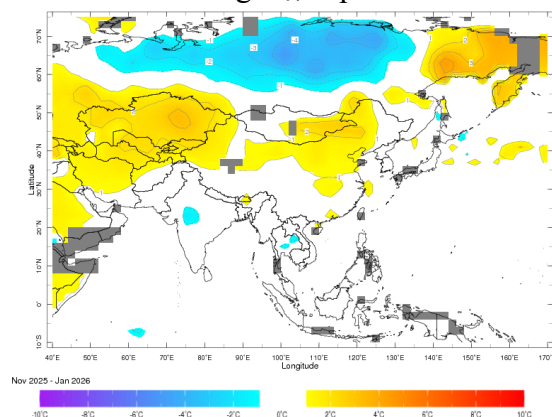
Hình 1.3. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (2/2021 - 1/2026)

(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)

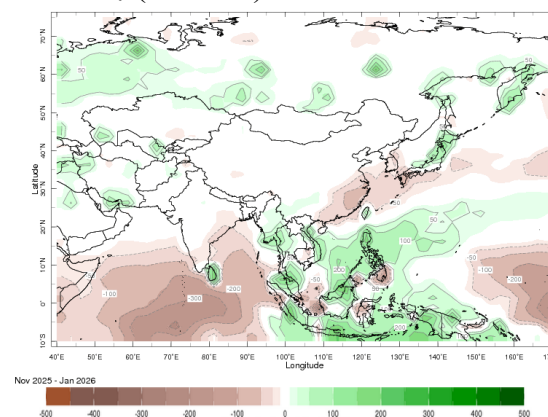
Theo bản tin của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), nhiệt độ không khí trung bình (NĐTĐ) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 có giá trị từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích châu Á, với chuẩn sai dao động từ 0 đến trên 2,0°C; thấp hơn

TBNN ở phần lớn Liên bang Nga khoảng từ 1 đến 3°C. Đối với lãnh thổ Việt Nam, NĐTB mùa 3 tháng qua xấp xỉ TBNN trên phạm vi cả nước (Hình 1.4).

Tổng lượng mưa (TLM) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 cao hơn TBNN phổ biến từ 50 đến trên 200 mm ở hầu hết diện tích Đông Nam Á. Đối với Việt Nam, TLM cao hơn TBNN từ 50-100 mm ở Trung Bộ, xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ và Nam Bộ (Hình 1.5).



Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai NĐTB mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)



Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai TLM mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm) trên khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu/>)

1.2. Diễn biến khí hậu ở Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

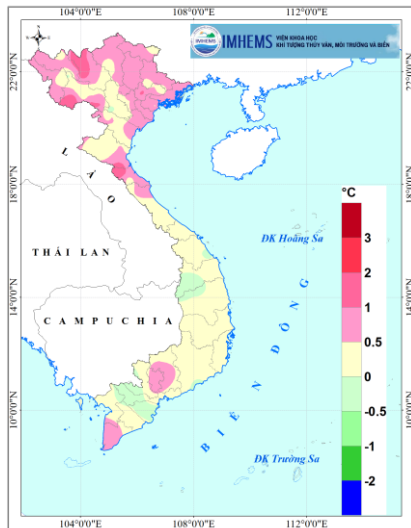
NĐTB mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 phổ biến từ 11,8 đến 27,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.6). NĐTB tháng 1/2026 phổ biến từ 10,2 đến 26,2°C, cao hơn TBNN từ 0,2 đến 2°C ở phía Bắc, thấp hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 1°C ở phía Nam lãnh thổ (Hình 1.7).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 dao động từ 14,7 đến 32,5°C; cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 1,5°C trên đại bộ phận diện tích nước ta, thấp hơn TBNN khoảng 0,1 đến 0,5°C ở một phần nhỏ diện tích Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 1.8). NĐTCTB tháng 1/2026 dao động từ 13,2 đến 32,2°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,2 đến 2,5°C ở phía Bắc, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C ở phía Nam lãnh thổ (Hình 1.9).

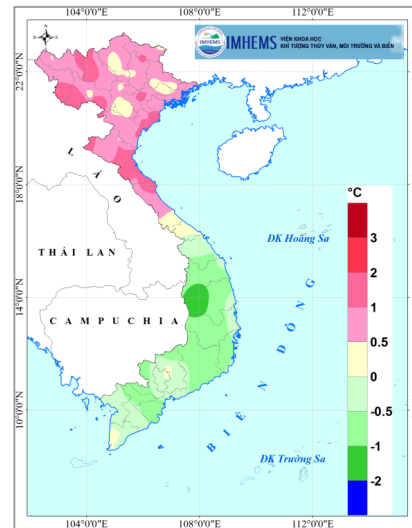
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 phổ biến từ 26 đến 35°C và trong tháng 1/2026 chủ yếu từ 23 đến 34°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 1/2026 là 34,5°C tại trạm Đồng Phú vào ngày 31.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 trong khoảng từ 9,2 đến 25,8°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2,5°C ở hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.10). NĐTTTB tháng 1/2026 từ 8,1 đến 24,4°C; cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến 2°C ở phía Bắc lãnh thổ và phần lớn diện tích Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 1°C xảy ra chủ yếu ở Nam Trung Bộ và một phần Tây Nam Bộ (Hình 1.11).

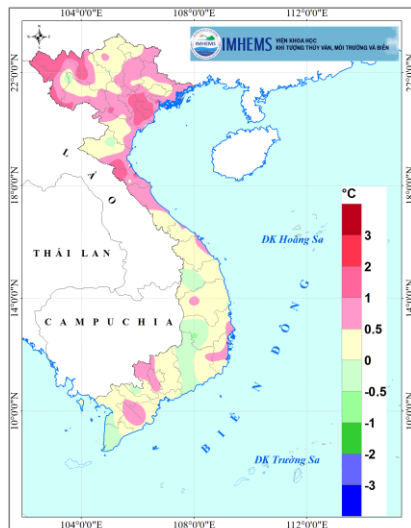
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTĐ) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 phổ biến từ 3,5 đến 19,5°C. Trong tháng 1/2026, NĐTTĐ ở phía Bắc dao động từ 4 đến 13°C, ở phía Nam từ 13 đến 20°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 1/2026 là 4°C quan trắc được tại trạm Cò Nòi vào ngày 8 và Trùng Khánh vào ngày 10.



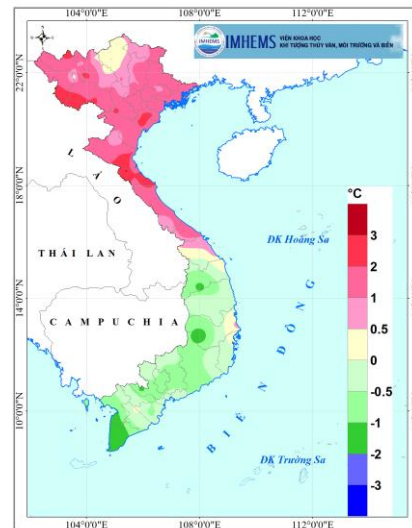
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C)



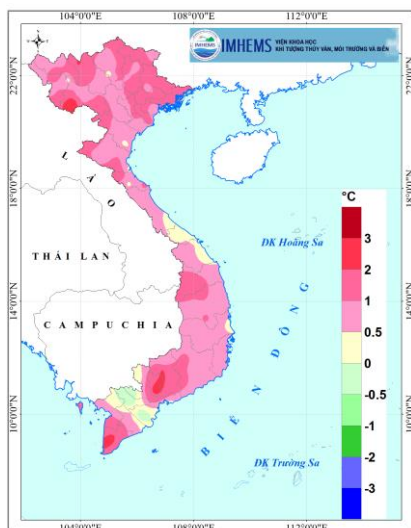
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 1/2026 (°C)



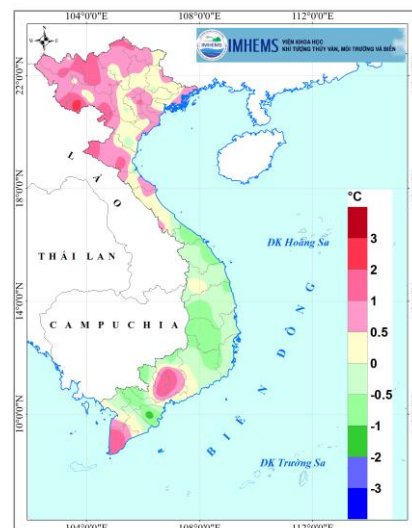
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C)



Hình 1.9. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 1/2026 (°C)



Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (°C)



Hình 1.11. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 1/2026 (°C)

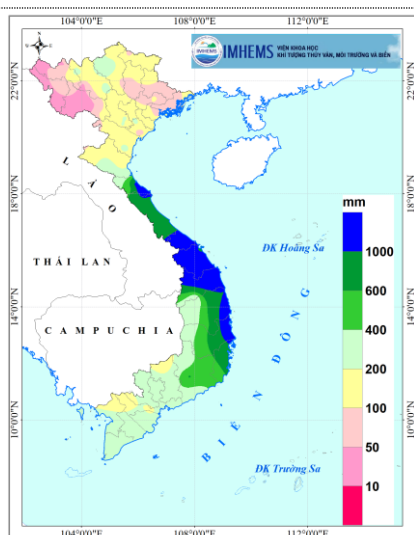
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026, tổng lượng mưa (TLM) trên khu vực từ Nghệ An trở ra phổ biến dưới 200 mm, cao nguyên Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TLM từ 200 đến 400 mm; khu vực từ Hà Tĩnh đến TP. Huế và duyên hải Nam Trung Bộ có TLM chủ yếu từ 400 đến 1500 mm (Hình 1.12). Lượng mưa cao hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích cả nước, với tỷ chuẩn từ 100 đến 300%; lượng mưa thấp hơn TBNN ở Tây Bắc và một phần nhỏ Đông Bắc, với tỷ chuẩn từ 50 đến dưới 100% (Hình 1.13).

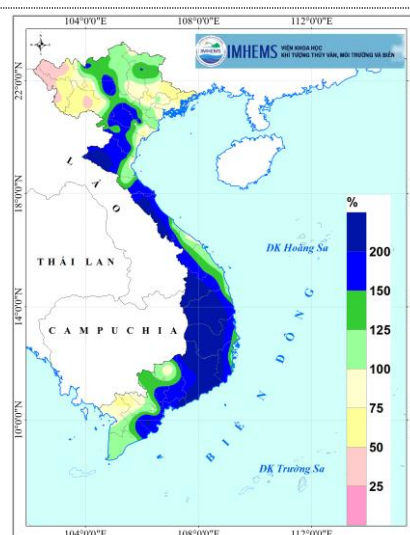
Trong tháng 1/2026, trên hầu hết diện tích nước ta có TLM từ 10-100 mm; trong đó phần lớn cao nguyên Nam Trung Bộ và Nam Bộ TLM dưới 10 mm (Hình 1.14). Lượng mưa thấp hơn TBNN trên hầu khắp lãnh thổ, với tỷ chuẩn phổ biến chỉ từ 10% đến dưới 100% (Hình 1.15).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 phổ biến từ 20 đến 200 mm; trong tháng 1/2026 chủ yếu từ 1 đến 40 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 1/2026 là 55 mm quan trắc được tại trạm Huế vào ngày 7.

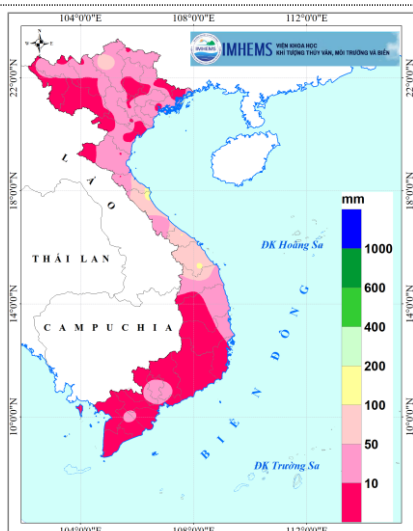
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 cao hơn TBNN từ 1 đến 10 ngày trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, thấp hơn TBNN từ 1 đến 5 ngày ở Tây Bắc và khu vực từ Nam Nghệ An đến Bắc Quảng Trị (Hình 1.16). Trong tháng 1/2026, SNM thấp hơn TBNN từ 1 đến 7 ngày trên hầu khắp lãnh thổ (Hình 1.17).



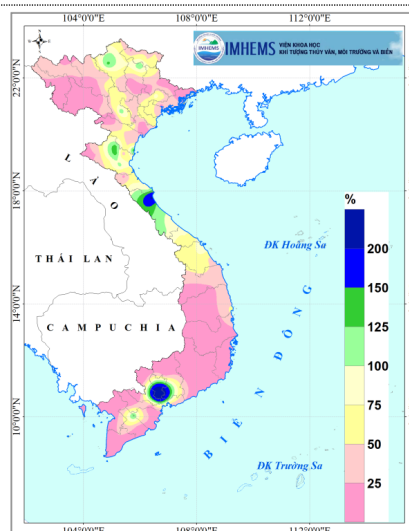
Hình 1.12. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm)



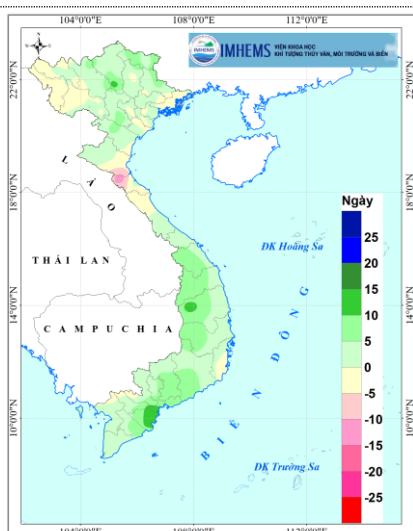
Hình 1.13. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (%)



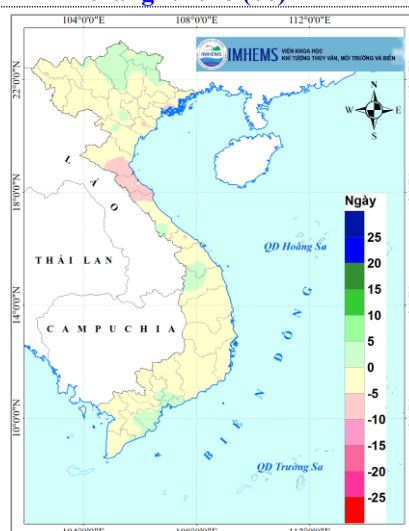
Hình 1.14. Phân bố lượng mưa tháng 1/2026 (mm)



Hình 1.15. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 1/2026 (%)



Hình 1.16. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (ngày)



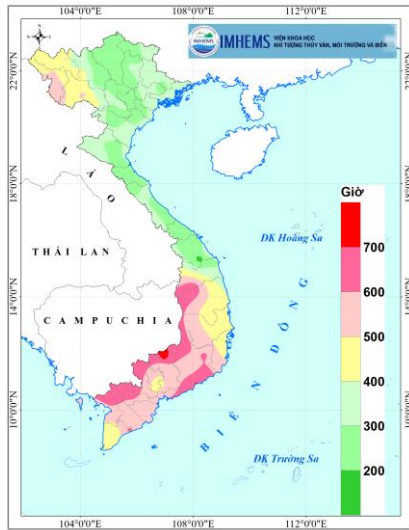
Hình 1.17. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 1/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

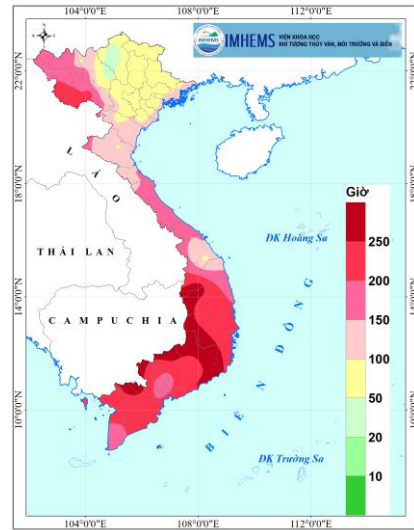
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 ở các khu vực Đông Bắc, Nghệ An đến TP. Đà Nẵng phổ biến từ 200 đến 400 giờ; khu vực Tây Bắc và các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào có TSGN từ 400 đến 650 giờ. Trong tháng 1/2026, TSGN ở nước ta chủ yếu từ 60 đến 250 giờ, trong đó khu vực Đông Bắc có TSGN thấp nhất; khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN cao nhất (Hình 1.18 và Hình 1.19).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 trên lãnh thổ nước ta phổ biến từ 100 đến 300 mm và trong tháng 1/2026 phổ biến từ 30 đến 120 mm. (Hình 1.20 và Hình 1.21).

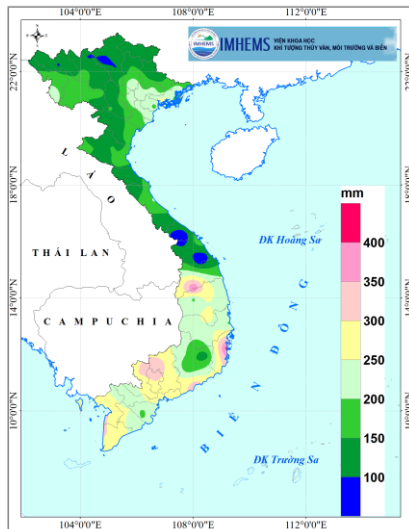
Chỉ số ẩm (A) trong 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 có giá trị lớn hơn 1 ở phần lớn diện tích cả nước; A nhỏ hơn 1 ở Tây Bắc, đa phần Đông Bắc và một phần diện tích Nam Bộ. Trong tháng 1/2026 chỉ số A có giá trị nhỏ hơn 1 ở đại bộ phận diện tích lãnh thổ; A lớn hơn 1 tập trung chủ yếu trên khu vực từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi (Hình 1.22, Hình 1.23).



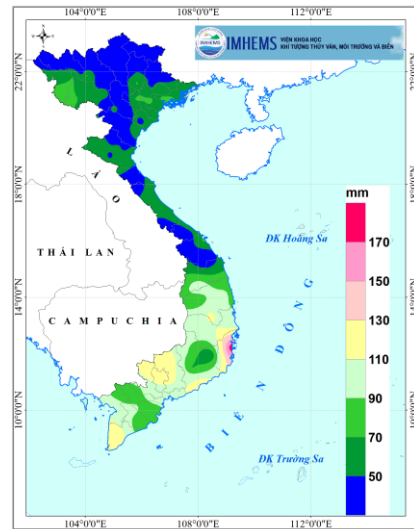
Hình 1.18. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (giờ)



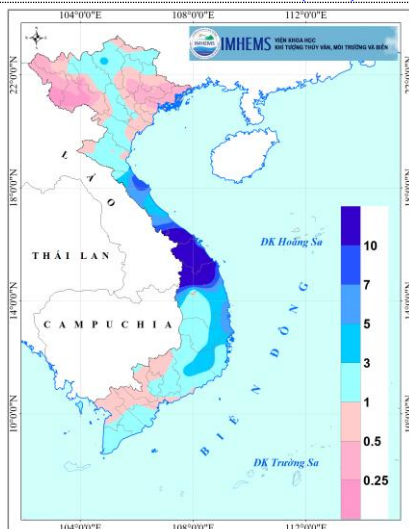
Hình 1.19. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 1/2026 (giờ)



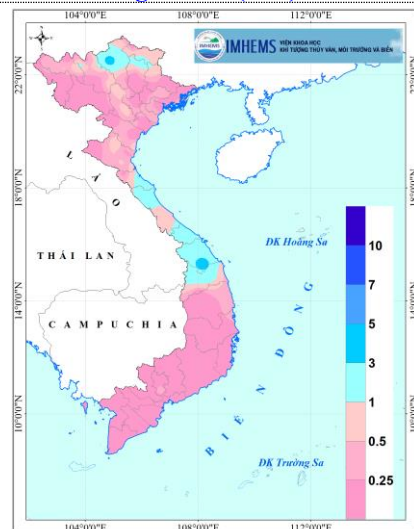
Hình 1.20. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026 (mm)



Hình 1.21. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 1/2026 (mm)



Hình 1.22. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026



Hình 1.23. Phân bố chỉ số ẩm tháng 1/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Có 4 XTNĐ (1 ATNĐ và 3 cơn bão) hoạt động trên Biển Đông trong tháng 11/2025 (*chi tiết được trình bày ở các bản Thông báo và dự báo khí hậu mùa 3 tháng số ra tháng 12 năm 2026*); tháng 12/2025 và tháng 1/2026 không có XTNĐ.

Không khí lạnh (KKL): Trong mùa 3 tháng qua ghi nhận 10 đợt KKL, trong đó tháng 11 và tháng 12/2025 có 6 đợt, tháng 1/2026 có 4 đợt. Các đợt KKL trong tháng 1/2026 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta vào các ngày 01, 05, 21 và 31/01. Đợt KKL ngày 05/01 đã gây rét đậm, rét hại từ ngày 06-14/01 tại các tỉnh Bắc Bộ đến Thanh Hóa, từ 07 đến 12/01 ở khu vực Nghệ An đến Hà Tĩnh, nhiệt độ thấp nhất phổ biến 7-13°C ở Bắc Bộ đến Thanh Hóa, từ 10-15°C ở Nghệ An đến Hà Tĩnh. Đợt KKL ngày 21/01 gây rét đậm, rét hại từ ngày 22-25/01 tại các tỉnh Bắc Bộ đến Nghệ An, nhiệt độ thấp nhất phổ biến 8-12°C; vùng núi dưới 7°C, vùng núi cao dưới 3°C. Một số nơi xuất hiện băng giá như Sìn Hồ (Lai Châu), Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Fansipan (Lào Cai).

Mưa lớn: 3 đợt trong tháng 11–12/2025; tháng 1/2026 không có.

Đông lạnh: 3 đợt trong tháng 11–12/2025; tháng 1/2026 không có.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng, thủy văn trong mùa 3 tháng qua chủ yếu do bão, mưa lớn, lũ quét và sạt lở đất gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 142 người chết và mất tích, 87 người bị thương; hơn 66 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái hoặc hư hỏng; gần 140 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; hơn 1,19 triệu con gia súc, gia cầm bị chết. Ngoài ra, còn ghi nhận nhiều thiệt hại đối với cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công trình thủy lợi và hạ tầng giao thông.

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 11 - 1 năm 2025/2026:

(1) Nhiệt độ

- Mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026: NĐTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1–2,0°C trên phần lớn diện tích Việt Nam; NĐTCTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1–1,5°C; NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1–2,5°C.
- Tháng 1/2026: NĐTB và NĐTCTB cao hơn TBNN tại phía Bắc phổ biến từ 0,2–2,5°C và thấp hơn tại phía Nam từ 0,1–1,5°C. NĐTTTB cao hơn TBNN tại phía Bắc và phần lớn Nam Bộ từ 0,1–2,0°C, nhưng thấp hơn tại Nam Trung Bộ và một phần Tây Nam Bộ từ 0,1–1,0°C.
- Cực trị nhiệt độ tháng 1/2026: Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 1/2026 là 34,5°C tại trạm Đồng Phú vào ngày 31. Giá trị thấp nhất trong tháng 1/2026 là 4°C quan trắc được tại trạm Cò Nòi vào ngày 8 và Trùng Khánh vào ngày 10.

(2) Lượng mưa

- Mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026: TLM cao hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích Việt Nam, với tỷ chuẩn phổ biến từ 100–300%; thấp hơn TBNN tại khu vực Tây Bắc và một phần nhỏ Đông Bắc, với tỷ chuẩn từ 50 đến dưới 100%.
- Tháng 1/2026: TLM thấp hơn TBNN trên hầu khắp lãnh thổ, với tỷ chuẩn phổ biến chỉ từ 10%-100%. LMNLN phổ biến từ 1 đến 40 mm, với giá trị lớn nhất là 55 mm quan trắc được tại trạm Huế vào ngày 7.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Trong mùa 3 tháng 11-1 năm 2025/2026, ghi nhận 4 XTNĐ trên Biển Đông; 10 đợt KKL; 3 đợt mưa lớn diện rộng và 3 đợt dông, lốc trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

Bản tin của CPC (ngày 12/02/2026): Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO ở trạng thái La Nina. Dự báo xác suất ENSO cho mùa 3 tháng 3-5/2026 cho thấy khoảng 90% xảy ra trạng thái trung tính và 9% duy trì ở trạng thái La Nina.

Dự báo của IRI: Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, SSTA phổ biến từ 0,25–1,0°C ở phía Tây và từ -0,25–1,0°C tại khu vực trung tâm và phía Đông. SSTA dao động từ -0,25–0,25°C trên xích đạo Đại Tây Dương và từ -0,25–0,5°C trên xích đạo Ấn Độ Dương. Tại Biển Đông, SSTA phổ biến từ -0,25–0,25°C (Hình 2.1). Theo nhận định của IRI, trong mùa 3 tháng 3–5/2026, ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính với xác suất khoảng 90%. Sang mùa 5–7/2026, xác suất duy trì trạng thái trung tính giảm còn khoảng 41%, trong khi khả năng hình thành El Nino tăng lên với xác suất khoảng 58%.

Dự báo của ECMWF: SSTA trong mùa 3 tháng 3-5/2026 tại khu vực NINO3.4 có giá trị phổ biến từ 0°C đến 1,0°C (Hình 2.2).

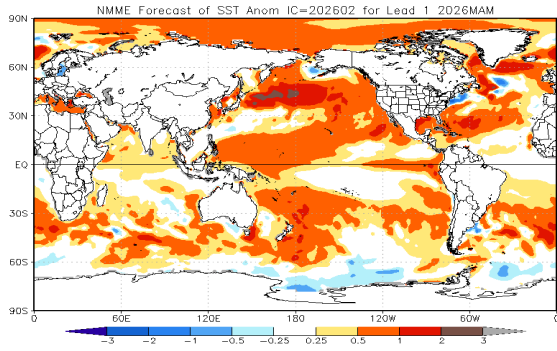
Cơ quan Khí tượng Úc (BOM) nhận định ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính trong mùa xuân năm 2026.

Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương phản ánh ENSO đang ở trạng thái La Nina. Dự báo ENSO có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính trong mùa 3 tháng 3-5/2026, với xác suất khoảng 90%.

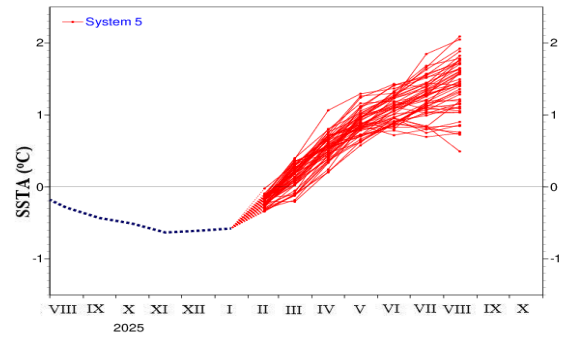
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực Châu Á

Nhiệt độ: Theo dự báo của IRI, NĐTB mùa 3 tháng 3–5/2026 có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết khu vực châu Á, với xác suất phổ biến từ 40-70% (Hình 2.3). Dự báo của ECMWF cho thấy NĐTB phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0-2,0°C trên phần lớn châu Á; riêng một phần Nam Á có khả năng thấp hơn TBNN từ 0–1,0°C (Hình 2.4).

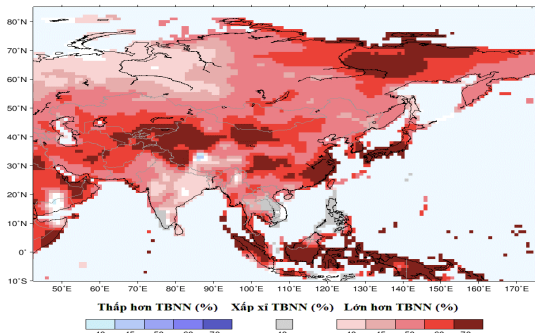
Lượng mưa: Theo dự báo của IRI, TLM mùa 3 tháng 3–5/2026 có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trên phần lớn khu vực châu Á, với xác suất phổ biến từ 40–70%. Khu vực có khả năng cao hơn TBNN chủ yếu tập trung tại một phần phía Nam Bắc Á và Philippines (Hình 2.5). Dự báo của ECMWF cho thấy TLM xấp xỉ đến cao hơn TBNN phổ biến từ 0–50 mm trên phần lớn diện tích châu Á; riêng Philippines cao hơn từ 50–200 mm. Ngược lại, TLM thấp hơn TBNN từ 50–100 mm tại một phần phía đông Đông Á và từ 0–50 mm tại một số khu vực thuộc Trung Á, Tây Á và Nam Á (Hình 2.6).



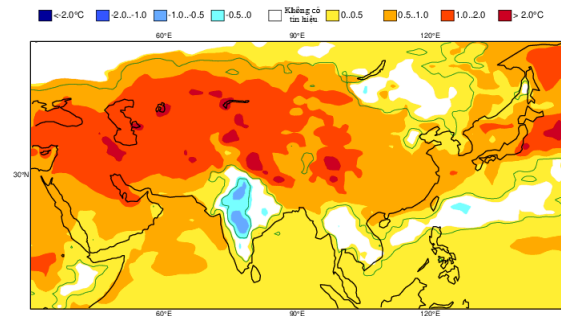
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 3-5 năm 2026
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



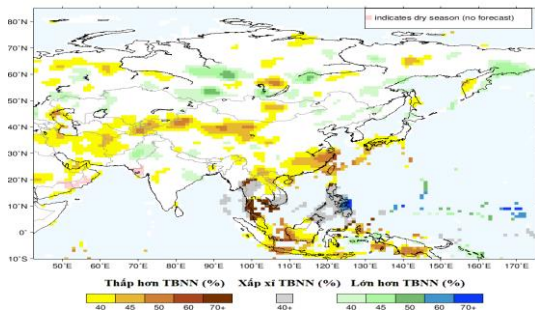
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 3-5 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



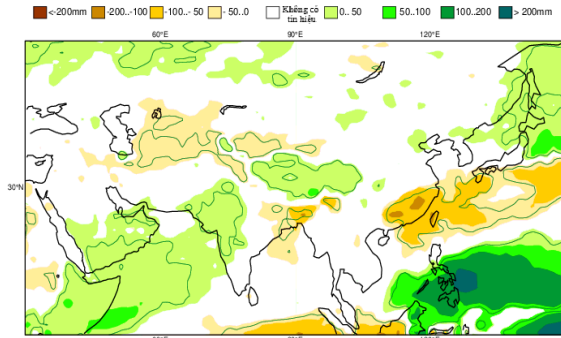
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Theo dự báo của IRI, trong mùa 3 tháng 3–5/2026, NĐTB tại Bắc Bộ có khả năng cao hơn TBNN với xác suất khoảng 45–50%; tại khu vực từ Thanh Hóa đến TP.Huế và Nam Bộ, NĐTB có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN với xác suất khoảng 40–60%; trong khi Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ chủ yếu ở mức xấp xỉ TBNN (Hình 2.3).

Theo dự báo của ECMWF, trong mùa 3 tháng 3–5/2026, NĐTB có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phạm vi cả nước. Cụ thể, NĐTB cao hơn TBNN từ 0–1,0°C tại Bắc Bộ; từ 0–0,5°C tại khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế; và xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0–0,5°C tại Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ (Hình 2.4).

Dự báo của BOM và Météo-France cho thấy trong mùa 3 tháng 3–5/2026, nhiệt độ trung bình có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phạm vi cả nước. NCEP dự báo nhiệt độ

ở mức cao hơn TBNN, còn JMA và Met Office nhận định nhiệt độ chủ yếu xấp xỉ TBNN.

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTB mùa 3 tháng 3-5/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết cả nước, với xác suất phổ biến từ 40 đến 95% (có nơi trên 95%). Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0°C đến 1,5°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 3-5/2026 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa đến TP. Huế; xấp xỉ TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

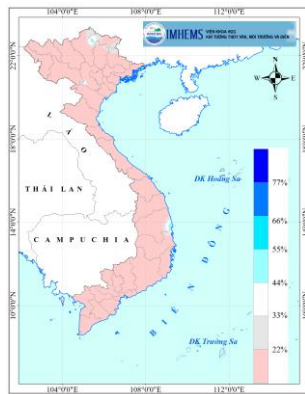
Theo dự báo của IRI về lượng mưa, trong mùa 3 tháng 3–5/2026 tại khu vực Việt Nam, TLM có khả năng thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, với xác suất khoảng 40–50%; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN tại khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế và Nam Bộ, xác suất trên 70%; và xấp xỉ TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ cùng Cao nguyên Trung Bộ (Hình 2.5).

Theo kết quả dự báo của ECMWF về lượng mưa, trong mùa 3 tháng 3-5/2026 trên khu vực Việt Nam, TLM có xu thế xấp xỉ TBNN (Hình 2.6).

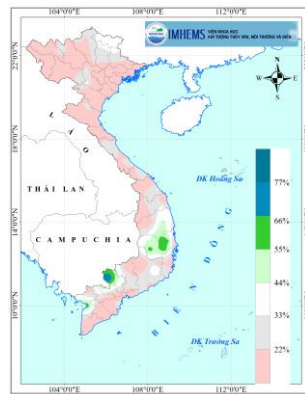
Dự báo mùa của các cơ quan JMA, BOM, Met Office và Météo-France cho thấy trong mùa 3 tháng 3–5/2026, TLM tại khu vực Trung Bộ có xu thế xấp xỉ TBNN. Tại Bắc Bộ và Nam Bộ, tín hiệu dự báo chưa hoàn toàn đồng nhất: JMA và Météo-France nghiêng về khả năng lượng mưa xấp xỉ TBNN, trong khi BOM và Met Office nhận định ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Riêng NCEP cho thấy TLM có khả năng thấp hơn TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ.

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, tổng lượng mưa mùa 3 tháng 3–5/2026 có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với xác suất phổ biến từ 44–90%, có nơi trên 90%. Lượng mưa thấp hơn TBNN có thể xảy ra tại một phần diện tích Bắc Bộ; cục bộ ở khu vực Nghệ An – Hà Tĩnh, phía nam Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ. Chuẩn sai tổng lượng mưa mùa 3 tháng được dự báo phổ biến trong khoảng 0-200 mm (Hình 2.8).

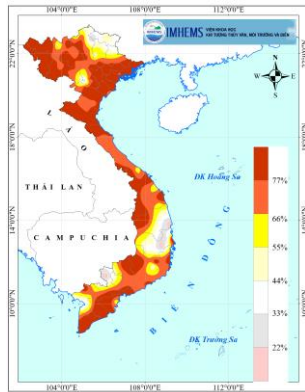
Nhận định: Trong mùa 3 tháng 3-5/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.



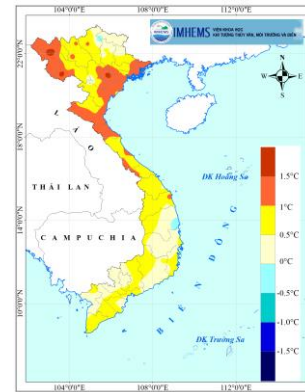
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

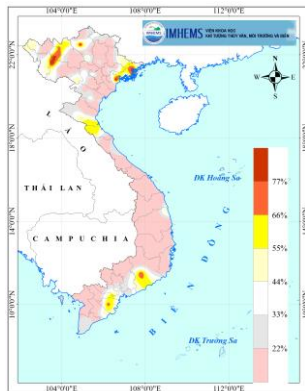


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

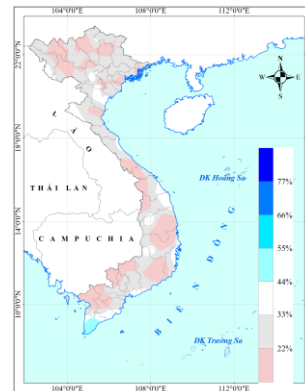


d) Chuẩn sai (°C)

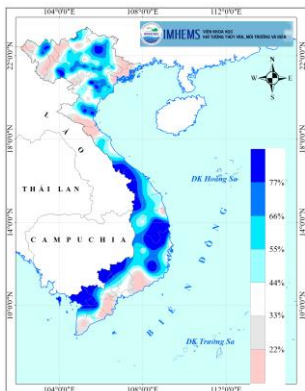
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 3-5 năm 2026



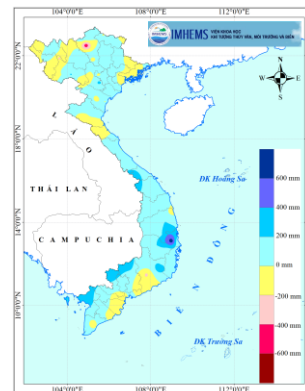
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Theo thống kê, trong giai đoạn 1991–2020, trung bình mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 trên khu vực Biển Đông có khoảng 1,0 XTNĐ hoạt động và 0,4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Nhận định thời điểm bắt đầu mùa bão năm 2026 ở mức xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức tương đương TBNN (TBNN: 12–13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6–7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

Trong mùa 3 tháng 3–5/2026, ít có khả năng xuất hiện XTNĐ trên khu vực Biển Đông.

- Mùa khô hạn:

Tình trạng khô hạn ở khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ tiếp tục xảy ra trong tháng 3-4/2026. Tuy nhiên, có khả năng xuất hiện một số đợt mưa cục bộ, làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.

- Nắng nóng:

Từ tháng 3/2026, nắng nóng diện rộng có khả năng bắt đầu xuất hiện trên khu vực Đông Nam Bộ. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Tây Nam Bộ, nắng nóng có khả năng bắt đầu xuất hiện trong khoảng tháng 3-4; Khu vực Tây Bắc nắng nóng bắt đầu xuất hiện trong tháng 4.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 3, 4, 5 NĂM 2026**Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 3, 4, 5 năm 2026**

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 3-5 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, các điều kiện khí quyển và đại dương cho thấy ENSO đang ở trạng thái La Nina. Dự báo trong mùa 3 tháng 3–5/2026, ENSO có xu thế chuyển dần sang trạng thái trung tính, với xác suất khoảng 90%.

(2) Gió mùa:

Dự báo thời điểm bắt đầu gió mùa mùa hè và cường độ hoạt động ở mức tương đương TBNN. Mùa mưa trên khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN.

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 3–5/2026, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế; xấp xỉ TBNN tại Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 3-5/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ trên hầu hết các khu vực cả nước.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Mùa bão năm 2026 có khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam trong năm 2026 có khả năng ở mức tương đương TBNN (TBNN: 12–13 cơn trên Biển Đông, trong đó 6–7 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam). Trong mùa 3 tháng 3–5/2026, ít có khả năng xuất hiện XTNĐ trên khu vực Biển Đông.

- *Điều kiện khô hạn*: Tình trạng khô hạn ở khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ tiếp tục xảy ra trong tháng 3-4/2026. Có khả năng xuất hiện một số đợt mưa cục bộ, làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.

- *Nắng nóng*: Từ tháng 3/2026, nắng nóng diện rộng có khả năng bắt đầu xuất hiện trên khu vực Đông Nam Bộ. Nắng nóng bắt đầu xuất hiện trên khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Tây Nam Bộ trong khoảng tháng 3-4; tại khu vực Tây Bắc trong tháng 4.

Phụ lục

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 1/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐCTB	CS	NĐCTĐ	NĐTTB	CS	NĐTTĐ
Điện Biên	18,4	1,1	26,4	2,4	29,4	13,8	0,5	8,7
Sơn La	16,0	0,6	22,6	1,2	27,8	11,6	0,2	5,7
Sa Pa	10,2	1,3	13,2	0,8	19,3	8,1	1,7	4,1
Bắc Quang	16,8	0,5	20,3	0,5	27,0	14,7	0,6	10,6
Lạng Sơn	14,1	0,7	19,3	1,6	25,1	11,0	0,6	4,4
Thái Nguyên	17,2	0,7	20,9	1,0	25,5	14,7	0,5	9,8
Láng	18,3	1,2	21,9	1,8	25,7	16,0	1,2	10,3
Bãi Cháy	17,4	0,8	20,7	1,2	23,4	15,1	0,8	10,2
Phù Liễn	17,4	0,9	21,8	1,8	26,0	14,9	0,4	9,7
Thanh Hóa	18,6	1,1	22,2	1,9	26,8	16,1	0,7	11,0
Vinh	19,1	1,1	21,6	0,9	26,4	15,3	-0,6	11,0
Huế	20,2	0,2	25,2	1,5	28,6	16,6	-1,0	12,3
Đà Nẵng	21,8	0,0	25,8	0,8	28,1	18,8	-0,5	15,0
Quy Nhơn	23,5	-0,1	26,6	-0,2	28,2	21,4	0,1	19,4
Nha Trang	23,7	-0,5	27,0	0,0	28,6	21,4	-0,1	19,2
Phan Thiết	24,6	-0,8	28,6	-0,7	30,5	21,6	-0,1	19,0
Plây cu	18,3	-1,1	26,4	0,0	30,2	13,5	-0,7	8,6
B.M. Thuật	20,6	-0,8	26,2	-1,3	30,3	17,1	-0,7	13,9
Đà Lạt	15,4	-0,6	22,2	-0,1	25,6	10,9	-0,8	7,8
Tân Sơn Hoà	26,1	0,0	30,9	-0,7	32,5	22,9	1,8	19,0
Vũng Tàu	25,5	-0,5	29,2	-0,1	31,6	22,8	-0,4	19,5
Rạch Giá	25,7	-0,2	29,1	-1,1	30,9	22,8	0,2	19,8
Cần Thơ	25,5	-0,3	30,3	0,2	31,7	22,3	0,0	18,4
Cà Mau	26,2	0,0	28,9	-1,5	30,4	24,4	1,4	22,2

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 1/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	TC (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	1	3,1	2	-2,3	1
Sơn La	4	13,4	1	-3,2	4
Sa Pa	39	46,0	14	-1,7	18
Bắc Quang	97	132,4	18	3,2	39
Lạng Sơn	4	9,6	9	0,1	1
Thái Nguyên	5	16,3	9	-0,5	3
Láng	12	42,4	7	-1,9	5
Bãi Cháy	16	47,3	1	-6,4	16
Phù Lễn	11	33,1	5	-3,2	11
Thanh Hóa	8	33,5	5	-4,9	5
Vinh	38	71,4	5	-8,5	22
Huế	103	75,6	9	-5,5	55
Đà Nẵng	82	98,0	12	0,2	47
Quy Nhơn	43	55,4	11	-2,3	13
Nha Trang	7	13,4	6	-2,2	5
Phan Thiết	0	0,0	0	-0,5	0
Pleiku	0	0,0	0	-0,3	0
B.M. Thuật	0	0,0	0	-1,0	0
Đà Lạt	0	0,0	0	-2,2	0
Tân Sơn Hoà	36	333,3	3	0,6	33
Vũng Tàu	1	12,9	2	1,1	0
Rạch Giá	1	4,0	1	-0,9	1
Cần Thơ	18	130,7	2	0,0	12
Cà Mau	7	23,7	3	-0,6	6

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; TC: Tỷ chuẩn; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 3-5 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (oC)	XSHC (%)	PV2 (oC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc Bộ									
1	Mường Tè	23,5	0,1	24,0	98,2	386,2	50,4	499,6	20,7
2	Sìn Hồ	17,6	0,4	18,0	92,8	512,9	5,2	636,5	73,7
3	Lai Châu	24,4	0,1	24,7	99,0	430,8	4,3	570,4	80,3
4	Điện Biên	23,3	0,1	23,8	96,1	326,5	39,6	409,4	24,1
5	Tuần Giáo	22,7	0,4	23,2	95,4	311,4	56,8	521,2	16,0
6	Sơn La	22,8	6,4	23,5	71,2	291,5	5,6	369,9	79,1
7	Quỳnh Nhai	24,5	7,5	24,9	70,5	370,4	80,3	461,5	4,5
8	Sông Mã	24,2	0,5	24,9	93,1	229,0	39,4	319,7	31,0
9	Yên Châu	24,9	4,1	25,4	76,1	269,7	21,5	351,2	50,2
10	Mộc Châu	20,0	9,0	20,7	64,3	264,9	53,6	396,9	14,9
11	Sa Pa	16,4	12,4	17,0	52,4	599,8	65,9	743,9	12,2
12	Hoà Bình	24,2	4,3	24,9	76,4	304,9	18,3	441,2	44,5
Đông Bắc Bộ									
1	Hà Giang	23,7	4,9	24,2	76,1	386,1	17,4	480,5	61,6
2	Bắc Quang	23,7	1,7	24,1	85,9	892,1	84,1	1178,2	3,4
3	Cao Bằng	22,4	13,7	23,0	52,6	287,3	9,7	374,0	69,5
4	Lạng Sơn	21,9	6,9	22,3	69,3	252,7	51,7	336,9	20,0
5	Tuyên Quang	23,9	3,6	24,6	80,0	344,6	58,1	413,9	17,2
6	Thái Nguyên	23,6	3,3	24,1	79,9	347,8	29,9	477,5	39,6
7	Yên Bái	23,3	4,4	23,9	77,7	323,5	10,5	423,1	69,6
8	Móng Cái	22,6	0,3	23,2	95,4	300,8	35,5	526,7	32,3
9	Vĩnh Yên	24,0	3,3	24,8	77,8	247,1	5,7	345,3	68,0
10	Việt Trì	23,7	1,9	24,4	86,2	259,2	15,5	368,1	57,8
11	Bắc Giang	23,6	3,3	24,1	80,3	270,9	26,2	403,7	39,9
12	Hải Dương	23,3	0,9	24,0	89,6	253,7	15,3	332,8	59,6
13	Phù Lãng	22,9	3,9	23,5	80,2	291,9	87,5	362,3	2,1
14	Nam Định	23,6	1,6	24,3	87,2	249,8	16,4	349,2	51,8
15	Thái Bình	23,1	2,6	23,8	83,5	225,7	6,0	297,6	71,8
16	Ninh Bình	23,4	2,4	24,2	84,5	236,0	6,1	332,6	65,4
Thanh Hóa đến TP. Huế									
1	Thanh Hóa	23,5	2,3	24,1	84,6	232,4	28,7	309,4	27,5
2	Bãi Thượng	23,8	3,4	24,5	80,7	345,4	42,0	431,4	20,7
3	Vinh	24,2	3,3	25,1	78,9	205,7	64,8	329,8	9,1
4	Tương Dương	25,1	1,4	26,0	83,9	255,2	27,2	304,5	30,2
5	Hà Tĩnh	24,3	2,3	25,2	82,3	273,9	48,5	378,8	19,6
6	Tuyên Hoá	24,9	6,1	25,4	69,7	220,0	9,6	356,6	65,9
7	Đồng Hới	24,8	5,9	25,6	72,3	167,7	32,8	274,0	30,9
8	Đồng Hà	25,5	6,8	26,2	66,9	153,7	7,1	250,2	73,2
9	Huế	25,6	8,4	26,1	61,7	170,4	4,9	261,1	71,2
10	A Lưới	22,4	0,2	22,9	93,8	419,2	0,1	572,2	98,0
Duyên hải Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	26,1	0,5	26,7	92,3	108,7	13,5	183,2	57,1
2	Tam Kỳ	26,3	9,2	26,9	54,5	154,0	22,0	299,9	39,2
3	Trà My	25,4	3,2	26,0	66,9	415,1	12,8	579,2	52,7
4	Quảng Ngãi	26,5	0,1	27,1	96,0	88,0	14,5	219,3	48,7
5	Ba Tơ	26,2	4,0	26,7	62,6	271,6	12,8	459,6	52,6
6	Quy Nhơn	27,5	56,2	27,9	14,0	121,1	0,4	205,5	92,6
7	Tuy Hoà	27,3	0,5	27,7	89,8	126,5	25,3	245,6	34,0
8	Sơn Hoà	27,1	20,3	27,5	22,9	138,5	0,0	434,2	99,1
9	Nha Trang	27,2	0,8	27,8	87,3	102,7	28,6	211,4	31,1
10	Trường Sa	28,2	0,0	28,9	98,7	167,2	23,5	298,0	24,3
Cao nguyên Trung Bộ									
1	Kon Tum	25,3	0,2	25,8	84,1	326,6	12,6	478,3	50,8
2	Đắc Tô	24,0	1,7	24,6	78,8	299,1	2,7	381,0	83,9

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (oC)	XSHC (%)	PV2 (oC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	23,6	0,0	24,1	91,0	268,3	19,9	400,3	39,6
4	Ayunpa	27,5	2,7	28,2	44,3	187,6	0,1	258,0	97,1
5	M'Drak	25,0	23,7	25,5	14,6	249,9	3,7	393,7	70,0
6	Đắc Nông	23,8	0,0	24,3	96,6	479,1	9,0	645,3	59,6
7	Đà Lạt	18,7	0,6	19,1	87,2	404,7	2,7	460,0	83,6
8	Liên Khương	22,3	9,2	22,8	44,6	312,4	0,1	430,4	98,5
9	Bảo Lộc	22,9	0,4	23,4	71,4	544,0	76,0	769,3	5,1
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	27,9	0,9	28,2	82,6	137,8	62,8	212,2	10,3
2	Phước Long	27,1	0,0	27,7	86,8	369,8	0,5	533,8	87,4
3	Vũng Tàu	28,4	0,2	28,8	90,0	172,7	21,2	256,2	42,3
4	Mỹ Tho	28,0	0,2	28,4	92,7	166,8	66,7	232,7	8,0
5	Cần Thơ	27,9	0,0	28,4	96,7	181,3	0,4	272,3	91,3
6	Rạch Giá	28,4	8,6	28,8	27,9	268,2	0,7	394,5	87,7
7	Phủ Quốc	28,2	5,4	28,7	43,9	363,0	0,4	659,8	92,8
8	Sóc Trăng	27,8	0,1	28,3	95,5	222,2	48,2	365,7	10,5
9	Cà Mau	28,2	0,0	28,8	94,9	277,4	33,0	398,3	14,8

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

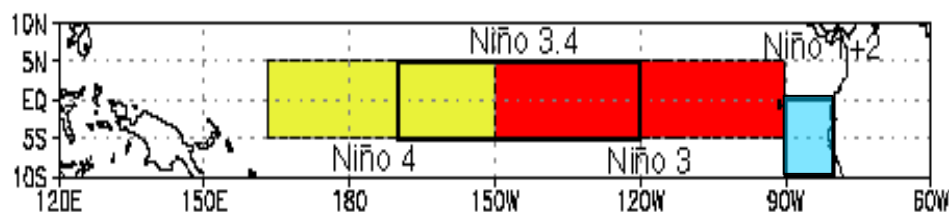
El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD

là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S , 100°E - 60°W .



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.